



lián jiē
连接

Verb · to link; to join; to connect

Example Sentences

wǎng luò lián jiē fēi cháng wěn dìng
网 络 连 接 非 常 稳 定。

The network connection is very stable.

qǐng lián jiē diàn nǎo hé dǎ yìn jī
请 连 接 电 脑 和 打 印 机。

Please connect the computer and printer

qǐng huà yì tiáo zhí xiàn lián jiē liǎng diǎn
请 画 一 条 直 线 连 接 两 点。

Please draw a straight line connecting two points.

Trace each character, then write the word on your own.

连	连	连	连	连	连	连	连	连	连
接	接	接	接	接	接	接	接	接	接
接	接	接							